

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	841021	Kiến trúc máy tính	3	120	Huỳnh Tô Hạp	20790	04		3	1	3	C.HB406	DKP1251	-234567890-----
2			3	120	Huỳnh Tô Hạp	20790			3	4	2	C.HB406	DKP1251	-234567890-----
3	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Đỗ Ngọc Như Loan	11041	12		6	1	3	C.A104	DKP1241	123456789-----
4			4	50	Đỗ Ngọc Như Loan	11041			6	4	2	C.A104	DKP1241	123456789-----
5	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Đỗ Ngọc Như Loan	11041	12	01	4	1	3	C.A102	DKP1241	1234567890-----
6	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Đỗ Ngọc Như Loan	11041	13		3	4	2	C.A102	DKP1242	12345678901-----
7			4	50	Đỗ Ngọc Như Loan	11041			4	4	2	C.A102	DKP1242	12345678901-----
8	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Đỗ Ngọc Như Loan	11041	13	01	3	1	3	C.A102	DKP1242	1234567890-----
9	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615	18		4	1	2	C.E104	DKP1241	12345678901-----
10			4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615			5	1	2	C.E103	DKP1241	12345678901-----
11	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615	18	01	5	3	3	C.A102	DKP1241	1234567890-----
12	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thi Vương	11426	03		7	6	2	C.HB406	DKP1211	123456789012345----
13	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	120	Phạm Thi Vương	11426	03	01	7	8	2	C.HB406	DKP1211	123456789012345----
14	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	01		4	1	3	C.HB406	DKP1231	123456789-----
15			4	100	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			4	4	2	C.HB406	DKP1231	123456789-----
16	841107	Ngôn ngữ lập trình Java	4	100	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	01	01	6	3	3	C.HB406	DKP1231	123456789--2-----
17	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	100	Huỳnh Minh Trí	20766	01		2	1	2	C.E201	DKP1231	1234567890-2-----
18			4	100	Huỳnh Minh Trí	20766			7	9	2	C.C106	DKP1231	1234567890-2-----
19	841110	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	4	100	Huỳnh Minh Trí	20766	01	01	7	6	3	C.C106	DKP1231	1234567890-2-----
20	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	08		5	1	3	C.E402	DKP1231	1234567890-2345----
21	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	90	Phan Nguyệt Minh	11541	08	01	5	4	2	C.E402	DKP1231	1234567890-2345----
22	841120	An toàn và bảo mật dữ liệu trong HTTT	3	90	Trương Tấn Khoa	11384	02		6	6	3	C.C107	DKP1221	123456789012-----
23	841120	An toàn và bảo mật dữ liệu trong HTTT	3	90	Trương Tấn Khoa	11384	02	01	6	9	2	C.C107	DKP1221	123456789012-----
24	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	14		4	1	2	C.B002	DKP1251	-23456789012-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
25	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	14		4	4	2	C.E202	DKP1251	-23456789012-----
26	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	14	01	5	3	3	C.A103	DKP1251	-2345678901-----
27	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	15		5	1	2	C.B002	DKP1251	-23456789012-----
28			4	50	Lai Đình Khải	10063			6	1	2	C.E104	DKP1251	-23456789012-----
29	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	15	01	6	3	3	C.A103	DKP1251	-2345678901-----
30	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	16		5	1	2	C.A102	DKP1251	-23456789012-----
31			4	50	Nguyễn Trung Tín	11377			6	9	2	C.A104	DKP1251	-23456789012-----
32	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	16	01	6	6	3	C.A104	DKP1251	-2345678901-----
33	841403	Cấu trúc rời rạc	4	120	Huỳnh Minh Trí	20766	11		2	3	3	C.E201	DKP1251	-2345678901-----
34			4	120	Huỳnh Minh Trí	20766			7	1	3	C.E201	DKP1251	-2345678901-----
35	841411	Quản trị mạng	4	70	Lương Minh Huân	11364	01		5	9	2	1.C203	DKP1231	123456789--23-----
36			4	70	Lương Minh Huân	11364			7	4	2	C.B105	DKP1231	123456789--23-----
37	841411	Quản trị mạng	4	70	Lương Minh Huân	11364	01	01	7	1	3	C.B105	DKP1231	123456789--2-----
38	841422	Ngôn ngữ lập trình Python	4	90	Lê Tấn Long	11610	06		4	6	3	C.HB403	DKP1241,DKP1242	123456789-----
39			4	90	Lê Tấn Long	11610			7	9	2	C.E402	DKP1241,DKP1242	123456789-----
40	841422	Ngôn ngữ lập trình Python	4	90	Lê Tấn Long	11610	06	01	7	6	3	C.E402	DKP1241,DKP1242	1234567890-----
41	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969	03		2	1	3	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
42	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969	03	01	2	4	2	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
43	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	02		3	6	3	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
44	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	02	01	3	9	2	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
45	841467	Công nghệ .NET	4	120	Cao Minh Thành	10011	02		5	6	3	C.E502	DKP1221	123456789012345----
46	841467	Công nghệ .NET	4	120	Cao Minh Thành	10011	02	01	5	9	2	C.E502	DKP1221	123456789012345----
47	841468	Chuyên đề J2EE	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02		6	1	3	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
48	841468	Chuyên đề J2EE	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02	01	6	4	2	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
49	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	80	Trần Đình Nghĩa	10601	03		5	6	5	C.D401	DKP1211	123456789012-----
50	841479	Kiến trúc phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01		2	6	3	C.HB403	DKP1221	123456789012345----
51	841479	Kiến trúc phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01	01	2	9	2	C.HB403	DKP1221	123456789012345----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
52	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Phan Tấn Quốc	10631	03		2	1	3	1.B001	DKP1211	123456789012345----
53	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	120	Lương Minh Huân	11364	11		3	6	3	C.HB406	DKP1251	-234567890-----
54			3	120	Lương Minh Huân	11364			3	9	2	C.HB406	DKP1251	-234567890-----
55	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Trần Văn Diện	11756	41		2	1	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
56			4	80	Trần Văn Diện	11756			2	6	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
57			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	1	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
58			4	80	Trần Văn Diện	11756			3	6	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
59			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	1	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
60			4	80	Trần Văn Diện	11756			4	6	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
61			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	1	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
62			4	80	Trần Văn Diện	11756			5	6	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
63			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	1	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
64			4	80	Trần Văn Diện	11756			6	6	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
65			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	1	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
66			4	80	Trần Văn Diện	11756			7	6	5	4.S_QP03	DKP1231	-----1-----
67	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Nguyễn Văn Úy	11746	42		2	1	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
68			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			2	6	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
69			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	1	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
70			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			3	6	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
71			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	1	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
72			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			4	6	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
73			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	1	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
74			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			5	6	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
75			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	1	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
76			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			6	6	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
77			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	1	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
78			4	80	Nguyễn Văn Úy	11746			7	6	5	4.S_QP04	DKP1231	-----1-----
79	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	43		2	1	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
80	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727	43		2	6	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
81			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	1	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
82			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			3	6	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
83			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	1	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
84			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			4	6	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
85			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	1	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
86			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			5	6	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
87			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	1	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
88			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			6	6	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
89			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	1	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
90			4	80	Phạm Anh Vĩnh	11727			7	6	5	4.S-QP05	DKP1232	-----1-----
91	864007	Đại số tuyến tính	3	120	Chế Thị Kim Phụng	10986	02		4	6	3	2.C006	DKP1251	--345678901-----
92			3	120	Chế Thị Kim Phụng	10986			5	9	2	2.A104	DKP1251	--345678901-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu